

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 1
(15,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301605 - ấ ấ n Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TST ấ %	ấ I M THI	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	ấ Quang An	26/06/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
2	3571011507	35CCĐ7	Nguy n V ấ Bĩ n	15/09/1993									7.0	7.0	7.0	
3	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh C ấ ng	05/11/1993									7.0	7.0	7.0	
4	3571011651	35CCĐ7	Nguy n Th ấ C ấ ng	20/07/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
5	3571011629	35CCĐ7	Nguy n Ng c Duy	30/04/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
6	3571011662	35CCĐ7	ấ ng Ti n ấ t	11/05/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
7	3571011614	35CCĐ7	Lê Ph ấ c ấ t	13/09/1993									5.0	5.0	5.0	
8	3571011561	35CCĐ7	Phan T n ấ t	04/05/1993									7.0	7.0	7.0	
9	3571011711	35CCĐ7	D ấ ng H i ấ ấ ng	07/10/1993									6.0	6.0	6.0	
10	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh ấ m	01/04/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
11	3571011729	35CCĐ7	Phan Ti n ấ i p	07/04/1989									0.0	0.0	0.0	N HP
12	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ấ Hà	20/12/1993									4.0	4.0	4.0	
13	3571011627	35CCĐ7	Tr ấ ng Ho ấ ng H i	02/05/1993									7.0	7.0	7.0	
14	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh Hoàng	01/01/1993									5.0	5.0	5.0	
15	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ấ ấ nh Hòa	06/01/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
16	3571011516	35CCĐ7	Nguy n Xu ấ n Huy	19/05/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
17	3571011642	35CCĐ7	Tr n Minh Huy	16/06/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
18	3571011824	35CCĐ7	Tr n V ấ nh Huy	12/09/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
19	3571011512	35CCĐ7	Nguy n Thanh Hùng	01/02/1993									7.0	7.0	7.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 1
(15,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301605 - ấ ấ n Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TST ấ %	ấ I M TH ấ	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011681	35CCĐ7	ấ o ấ T n H ng	24/06/1992									5.0	5.0	5.0	
21	3571011497	35CCĐ7	Nguy n V ấ Nh Ng ấ	05/01/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
22	3571011560	35CCĐ7	ấ ng Trung Ng ấ n	10/01/1993									0.0	0.0	0.0	
23	3571011721	35CCĐ7	Nguy n Ng c	20/05/1993									5.0	5.0	5.0	
24	3571011465	35CCĐ7	Nguy n H Anh Ng c	10/06/1993									6.0	6.0	6.0	
25	3571011712	35CCĐ7	L 2 Ph c Nh ấ n	04/09/1993									5.0	5.0	5.0	
26	3571011471	35CCĐ7	Tr n Quang Nh t	04/07/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
27	3571011677	35CCĐ7	Hu nh Ng c Ph ấ t	02/09/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
28	3571011717	35CCĐ7	Nguy n H u Ph ng	20/05/1993									5.0	5.0	5.0	
29	3571011807	35CCĐ7	Nguy n Ng c S n	25/03/1993									5.0	5.0	5.0	
30	3571011511	35CCĐ7	Tr nh Ho ấ S n	30/10/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
31	3571011499	35CCĐ7	Nguy n Anh Tài	26/02/1991									4.0	4.0	4.0	N HP
32	3571011601	35CCĐ7	Nguy n ấ c Tài	30/04/1992									6.0	6.0	6.0	
33	3571011491	35CCĐ7	Ph m Nh t Tân	20/04/1993									7.0	7.0	7.0	
34	3571011607	35CCĐ7	H L 2 Minh Tín	24/07/1993									5.0	5.0	5.0	
35	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng Tín	30/12/1993									5.0	5.0	5.0	
36	3571011529	35CCĐ7	VH Ph m Tu ấ n	02/01/1990									4.0	4.0	4.0	
37	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang Tu n	21/02/1993									5.0	5.0	5.0	
38	3571011840	35CCĐ7	Nguy n Hu nh T ấ ng	14/02/1992									0.0	0.0	0.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ7 N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 1
(15,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017301605 - ấ ầ n Thi c ầ ng C u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ấI M THI	QUY TS : 100%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011657	35CCĐ7	ấ ầ Ng c Tú	16/06/1993									5.0	5.0	5.0	
40	3571011639	35CCĐ7	ấ ầ V ầ Thân	07/08/1992									5.0	5.0	5.0	N HP
41	3571011650	35CCĐ7	B ầ i Qu c Thi	16/08/1993									7.0	7.0	7.0	
42	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh Tri u	20/07/1993									6.0	6.0	6.0	
43	3571011638	35CCĐ7	ấ ng Th ầ nh Trung	30/12/1993									8.0	8.0	8.0	
44	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang Trung	15/06/1993									7.0	7.0	7.0	
45	3571011600	35CCĐ7	L i V ầ Viên	10/02/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
46	3571011616	35CCĐ7	ấ ầ ng Qu c V ng	02/09/1992									0.0	0.0	0.0	
47	3571011758	35CCĐ7	L ầ ầ nh V ng	12/08/1993									5.0	5.0	5.0	
48	3571011481	35CCĐ7	Ch ầ u Tri u V	21/03/1993									6.0	6.0	6.0	
49	3571011825	35CCĐ7	Tr nh Ho ầ V	02/02/1992									5.0	5.0	5.0	N HP

T ng s : 49 h c sinh sinh vi ầ n
Tr ng Khoa Gi ầ o Vi ầ n B M ầ n Tp.HCM, ngày / /
Gi ầ o V Khoa